

Bản án số: 279/2017/HSST.

Ngày: 09/8/2017.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Thị Diệp.

Thẩm phán: Bà Nguyễn Lê Thiên Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Hoài Nam.
2. Bà Phan Thanh Minh.
3. Bà Phan Thị Nghĩa.

Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Thị Hương - Cán bộ Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Minh Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm Vụ án hình sự thụ lý số 343/2017/HSST ngày 20 tháng 6 năm 2017 đối với:

Bị cáo: Nguyễn Văn M1; giới tính: Nam; sinh năm: 1966 tại Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; Đăng ký NKTT: Phường A, Quận B, TP. Hồ Chí Minh; chỗ ở hiện nay: Phường C, Quận D, TP. Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 02/12; cha: Nguyễn Văn M2 (chết), mẹ: Nguyễn Thị M3 (1947); vợ: Võ Thị Thu H, sinh năm 1971; có 02 con, lớn sinh năm 1993, nhỏ sinh năm 2002; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 26/9/2016; (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Nguyễn Văn B - Luật sư thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Người bị hại: Trẻ Đỗ Ngọc Anh T; sinh ngày 03/10/2007 (vắng mặt); Đăng ký HKTT: Tổ 3, phường E, thị xã H, tỉnh K; nơi cư trú: phòng 12, nhà số Phường C, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp cho người bị hại: ông Đỗ Thanh H, sinh năm 1975 và bà Võ Ngọc D, sinh năm 1970 - cha mẹ của trẻ T; Đăng ký HKTT: Tổ

3, phường E, thị xã H, tỉnh K; nơi cư trú: Phường C, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị hại: Luật sư Nguyễn Thụy A – Cộng tác viên trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 8/2014, Nguyễn Văn M1 thuê phòng trọ số 11 nhà số 240/111 đường X, Phường C, Quận D, TP. Hồ Chí Minh sống cùng vợ, con. Căn phòng của M1 là phòng số 12 do ông Đỗ Thanh H thuê ở cùng vợ là bà Võ Ngọc D và con là trẻ Đỗ Ngọc Anh T (sinh ngày 03/10/2007).

Khoảng 16 giờ ngày 27/8/2016, M1 đi từ phòng trọ của mình ngang qua phòng trọ số 12, thấy cháu T ở nhà một mình, không khóa cửa nên nảy sinh ý định quan hệ tình dục đối với trẻ T. M1 đi về phòng mình lấy một con dao Thái Lan (dài khoảng 21,5cm) cầm trên tay đi qua phòng trọ của trẻ T. Khi vào trong phòng, M1 chốt cửa lại rồi cầm dao quơ trước mặt trẻ T đe dọa buộc T đi tắm nhằm để quan hệ tình dục, nhưng trẻ T không sợ và nói “chút tắm”. M1 để con dao lên bàn rồi bước lại gần ôm hôn vào môi, mặt, dùng tay trái đưa vào bên trong quần sờ mó bộ phận sinh dục trẻ T. Thấy trẻ T không phản kháng, M1 để trẻ T nằm xuống nền nhà, kéo quần trẻ T đến đầu gối để thực hiện hành vi giao cấu thì bà D về đến kêu cửa. Nghe thấy tiếng kêu của mẹ, trẻ T ngồi dậy mặc lại quần, còn M1 đứng dậy lấy con dao bỏ vào túi quần, ra mở cửa cho bà D và bỏ đi về phòng trọ của M1. Bà D nghi ngờ M1 xâm hại tình dục trẻ T nên kiểm tra thì thấy ở âm hộ trẻ T có dính dịch màu hồng. Lúc này, trẻ T kể lại toàn bộ sự việc cho bà D nghe. Bà D và ông H đưa trẻ T đến Công an Phường C, Quận D trình báo sự việc. Ngày 26/9/2016, Cơ quan điều tra Công an Quận D đã bắt tạm giam M1.

Tại Cơ quan điều tra, M1 đã khai nhận hành vi phạm tội như trên

* Bản kết luận giám định pháp y về tình dục đối với Đỗ Ngọc Anh T số 114/TD.16 ngày 08/9/2016 của Trung tâm pháp y - Sở Y tế TP. Hồ Chí Minh (BL133-134) kết luận: “Màng trinh: không rách. Phết dịch âm đạo: nhuộm tinh trùng theo quy trình Christmas Tree Stain: không thấy tinh trùng. Có tế bào người nam trong dịch âm đạo nhưng không đủ cơ sở để đối chiếu với ADN của đối tượng nam”.

* Công văn giải thích pháp y tình dục số 20/TTPY.GT-17 ngày 24/02/2017 của Trung tâm pháp y - Sở Y tế TP.Hồ Chí Minh trả lời: “Đương sự M1 dùng tay sờ, bóp vào âm đạo của Đỗ Ngọc Anh T có thể để lại tế bào nam trong dịch âm đạo của T như đã giám định”.

Bản cáo trạng số 222/CTr-VKS-P2 ngày 15 tháng 5 năm 2017, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn M1 tội danh “Hiếp dâm trẻ em” theo khoản 4 Điều 112 Bộ luật hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Tại phiên tòa:

1. Bị cáo khai nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung bản cáo trạng. Đồng thời, bị cáo khai nhận chi tiết về hành vi bị cáo đã thực hiện đối với trẻ T vào tháng 6/2016 phù hợp lời khai của người bị hại được công bố.

2. Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trình bày lời luận tội, giữ quan điểm truy tố như bản cáo trạng, xác định hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội phạm, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo phạm tội “Hiếp dâm trẻ em” và xử phạt tù 10 năm đến 12 năm tù; xử lý vật chứng và bồi thường dân sự theo quy định của pháp luật.

3. Luật sư bào chữa cho bị cáo phát biểu quan điểm: không đồng ý tội danh “hiếp dâm trẻ em” mà Viện kiểm sát đã truy tố vì bị cáo chưa thực hiện hành vi giao cấu. Bị cáo đã không hiểu, không phân biệt được khái niệm “dâm ô” hay “quan hệ tình dục” nên tại cơ quan điều tra đã khai có ý định quan hệ tình dục. Tại phiên tòa, sau khi luật sư giải thích, bị cáo xác định chỉ có ý định sờ mó, cọ quẹt vào bộ phận sinh dục như lần trước mà không có ý định đưa dương vật vào trong. Do đó, theo quan điểm của luật sư bào chữa cho bị cáo thì hành vi của bị cáo chỉ cấu thành tội “Dâm ô đối với trẻ em”. Đối với yêu cầu bồi thường dân sự đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định của pháp luật.

4. Người bảo vệ quyền và lợi ích cho người bị hại phát biểu quan điểm: Qua tiếp xúc với trẻ T, trẻ kể lại câu chuyện đúng tình tiết bản khai đã được công bố tại phiên tòa với thái độ rất vô tư, hồn nhiên không hề biết là bị xâm hại. Gia đình người bị hại không mong muốn xử nặng bị cáo vì vợ của bị cáo vẫn thường qua nhà năn nỉ, xin tha thứ nên gia đình đề nghị cho bị cáo một mức án đủ răn đe và bồi thường thiệt hại cho người bị hại theo yêu cầu.

5. Người bị hại và đại diện hợp pháp cho người bị hại có ý kiến: yêu cầu bồi thường dân sự chi phí bồi dưỡng, phục hồi sức khỏe 10 tháng lương cơ sở là 13.000.000 đồng, bù đắp tổn thất tinh thần 40 tháng lương cơ sở là 52.000.000 đồng; bồi thường chi phí khắc phục tổn thất tinh thần 10 tháng lương cơ sở là 13.000.000 đồng; bù đắp tổn thất tinh thần do danh dự nhân phẩm bị xâm phạm 10 tháng lương cơ sở là 13.000.000 đồng; thu nhập bị mất của cha mẹ người bị hại trong thời gian 45 ngày x 500.000 đồng là 22.500.000 đồng; hoàn trả chi phí giám định 2.000.000 đồng. Tổng các khoản tiền trên là 115.000.000 đồng.

6. Viện kiểm sát phát biểu tranh luận: bị cáo đã chuẩn bị dao từ nhà với ý

định dùng vũ lực giao cầu với trẻ T. Việc chưa thực hiện được hành vi giao cầu là ngoài ý muốn của bị cáo. Do đó, Viện kiểm sát giữ quan điểm truy tố.

7. Bị cáo nói lời sau cùng: bị cáo cảm thấy hối hận, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, người bào chữa của bị cáo, người bị hại, đại diện hợp pháp và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người bị hại;

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

1. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, luật sư, bị cáo, người bị hại, người đại diện hợp pháp và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã được thực hiện đều phù hợp quy định của pháp luật.

2. Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các lời khai tại cơ quan điều tra của bị cáo, người làm chứng và những chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định: vào ngày 27/8/2016, tại phòng trọ nhà số 240/111 đường X, Phường C, Quận D, Nguyễn Văn M1 lợi dụng thời điểm cha, mẹ trẻ Đỗ Ngọc Anh T vắng nhà đã dùng dao đe dọa trẻ T, hôn lên mặt, môi, sờ mó bộ phận sinh dục rồi kéo quần trẻ T xuống đến đầu gối, đè trẻ T xuống nền nhà để giao cầu nhưng do bà Võ Ngọc D về kịp lúc, phát hiện nên bị cáo đã không thực hiện được đến cùng hành vi phạm tội.

Điều 112 Bộ Luật Hình sự quy định:

“1. Người nào hiếp dâm trẻ em từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi, thì bị phạt tù từ bảy năm đến mười lăm năm.

....

4. Mọi trường hợp giao cầu với trẻ em chưa đủ 13 tuổi là phạm tội hiếp dâm trẻ em và người phạm tội bị phạt tù từ mười hai năm đến hai mươi năm, tù chung thân hoặc tử hình”.

Căn cứ bản kết luận bản kết luận giám định số 114/TD.16 ngày 08/9/2016 của Trung tâm Pháp y - Sở Y tế Tp.Hồ Chí Minh và Công văn số 20/TTPY.GT-17 ngày 24/2/2017 của Trung tâm Pháp y-Sở Y tế TP.Hồ Chí Minh phù hợp với lời khai của bị cáo, lời khai của người bị hại có đủ cơ sở xác định bị cáo đã dùng

vũ lực để giao cấu với trẻ T. Bị cáo đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Khách thể bị xâm phạm là quyền nhân thân của trẻ em được pháp luật bảo vệ, đó là quyền tự do, bất khả xâm phạm về tình dục, danh dự, nhân phẩm và sự phát triển toàn diện của trẻ em. Hành vi của bị cáo Nguyễn Văn M1 đã đủ yếu tố cấu thành tội “Hiếp dâm trẻ em”, tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 112 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Nguyễn Văn M1 thực hiện hành vi phạm tội ngày 27/8/2016 khi trẻ T chỉ 08 tuổi 10 tháng 24 ngày nên Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo theo khoản 4 Điều 112 Bộ luật hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009) là đúng quy định của pháp luật.

Luật sư bào chữa cho bị cáo cho rằng bị cáo chưa thực hiện hành vi giao cấu, không đủ căn cứ cho rằng bị cáo phạm tội “hiếp dâm trẻ em” mà chỉ cấu thành tội “dâm ô đối với trẻ em”. Xét thấy, bị cáo có sự chuẩn bị, đe dọa dùng lực để thực hiện hành vi giao cấu với trẻ T. Bị cáo thừa nhận không đưa dương vật vào trong được vì âm đạo của trẻ T quá nhỏ. Việc chưa thực hiện được hành vi giao cấu là do bà D về nhà kịp lúc, ngoài ý muốn của bị cáo. Đây là trường hợp phạm tội chưa đạt, chưa hoàn thành.

Hành vi của bị cáo Nguyễn Văn M1 là nguy hiểm cho xã hội do đó cần có một mức án tương xứng, không chỉ nhằm giáo dục nhận thức của bị cáo mà còn nhằm giáo dục người khác tôn trọng pháp luật, đấu tranh phòng và chống tội phạm. Tuy nhiên, bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 18; điểm g, p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự là “phạm tội chưa đạt”, “gây thiệt hại không lớn”, “thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải”, nên áp dụng Điều 47 xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

Ngoài ra, căn cứ lời khai tại cơ quan điều tra của bị cáo, người bị hại và bà Võ Ngọc D - mẹ của trẻ T có cơ sở xác định: vào tháng 6/2016, trong lúc ba mẹ của trẻ T không có nhà, bị cáo đã qua nhà trẻ T. Khi thấy trẻ T đang nằm 1 mình xem tivi, M1 đã đến ngồi cạnh rồi đưa cho T 20.000đ, bảo T để cho M1 hôn. Khi thấy T cầm tiền và không phản ứng, bị cáo nằm xuống cạnh trẻ T rồi bắt đầu hôn lên môi, mặt và dùng tay sờ vào âm đạo của trẻ T... Sau đó, bị cáo cởi quần của T hôn vào âm đạo, rồi cầm dương vật của mình cọ sát bên ngoài âm đạo của trẻ T. Được 1 lúc, M1 xuất tinh xuống nền nhà, bị cáo lấy giẻ gần đó lau rồi kéo quần lên và về phòng trọ của mình.

Tuy nhiên, hành vi này của bị cáo đã không bị Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh truy tố. Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã có Quyết định yêu cầu điều tra bổ sung số 138/2017/HSST-QĐ ngày 12/6/2017 chuyển trả hồ sơ để Viện kiểm sát xem xét. Ngày 16/6/2017, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có văn bản số 65-03/VKS-P2 giữ quan điểm, không truy tố hành vi mà Nguyễn Văn M1 đã thực hiện vào tháng 6/2016 với lý do chỉ có lời khai của bị cáo, người bị hại mà không có chứng cứ khác. Tại

phiên toà, sau khi xét hỏi, bị cáo vẫn khai nhận đúng sự việc, phù hợp với xác nhận của người đại diện hợp pháp về lời khai người bị hại tại cơ quan điều tra. Hội đồng xét xử đã đặt lại vấn đề và hỏi Viện kiểm sát có thay đổi quan điểm không nhưng Viện kiểm sát vẫn giữ quan điểm, chỉ truy tố một hành vi phạm tội ngày 27/8/2016.

Điều 196 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003 quy định: “Toà án chỉ xét xử những hành vi theo tội danh mà Viện kiểm sát truy tố và Toà án đã quyết định đưa ra xét xử”. Căn cứ giới hạn của việc xét xử, Hội đồng xét xử chỉ xét xử hành vi ngày 27/8/2016 của bị cáo đối với trẻ Đỗ Ngọc Anh T mà Viện kiểm sát đã truy tố.

Đối với hành vi của Nguyễn Văn M1 đã thực hiện với trẻ Đỗ Ngọc Anh T vào tháng 6/2016, Nguyễn Văn M1 đã thừa nhận toàn bộ quá trình thực hiện dùng thủ đoạn để giao cấu với trẻ T và đã kết thúc quá trình sinh lý. Lời nhận tội của bị cáo (BL 104-113, BL 116-227) trong trường hợp này không phải là chứng cứ duy nhất để buộc tội mà lời khai này phù hợp với chứng cứ khác là lời khai của người bị hại về diễn biến, chi tiết sự việc (BL 78-81, BL 84-85), phù hợp với lời khai của người làm chứng là mẹ của trẻ T biết sự việc do chính người bị hại kể lại (BL 87, 89, 91). Những lời khai này một lần nữa được khẳng định tại phiên toà nên đủ cơ sở xác định đây là một sự việc có thật, chứng minh Nguyễn Văn M1 đã có hành vi phạm tội xảy ra tại thời gian, địa điểm như trên với lỗi cố ý trực tiếp. Hành vi này của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội phạm. Do đó, việc Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh không truy tố hành vi này của Nguyễn Văn M1 là có dấu hiệu bỏ lọt hành vi phạm tội.

Căn cứ khoản 1 Điều 104 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003: “Hội đồng xét xử ra quyết định khởi tố hoặc yêu cầu Viện kiểm sát khởi tố vụ án hình sự nếu qua việc xét xử tại phiên toà mà phát hiện được tội phạm hoặc người phạm tội mới cần phải điều tra”. Hội đồng xét xử kiến nghị Viện kiểm sát có thẩm quyền xem xét hành vi của Nguyễn Văn M1 đã thực hiện đối với trẻ Đỗ Ngọc Anh T vào tháng 6/2016.

3. Đánh giá và xử lý vật chứng: Những vật chứng không còn giá trị sử dụng tịch thu tiêu hủy.

4. Về trách nhiệm dân sự: ông Đỗ Thanh H - đại diện hợp pháp của trẻ T - có đơn yêu cầu bồi thường thiệt hại tổng số tiền là 115.000.000 đồng. Tuy nhiên, ông Đỗ Thanh H không có chứng cứ chứng minh các khoản chi phí bồi dưỡng, phục hồi sức khỏe, chi phí hạn chế, khắc phục tổn thương tâm lý. Đối với thu nhập của ông H, bà D bị mất trong thời gian 45 ngày có chứng cứ xác nhận ngày 4/8/2017 và các khoản yêu cầu bù đắp tổn thất về tinh thần do sức khỏe bị xâm phạm, bù đắp tổn thất tinh thần do danh dự nhân phẩm của trẻ T bị xâm phạm theo quy định. Xét thấy, hành vi của bị cáo Nguyễn Văn M1 ở giai đoạn phạm tội chưa đạt, hậu quả chưa xảy ra. Do đó, áp dụng Điều 590, 592 Bộ luật Dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 3 Nghị định 47/2017/NĐ-CP ngày

24/4/2017 của Chính Phủ quy định về mức lương cơ sở, Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận một phần yêu cầu của người đại diện hợp pháp của người bị hại như sau: 10 tháng lương cơ sở cho yêu cầu bù đắp tổn thất về tinh thần do sức khỏe bị xâm phạm là 13.000.000 đồng; 05 tháng lương cơ sở bù đắp tổn thất tinh thần do danh dự nhân phẩm bị xúc phạm là 6.500.000 đồng; 45 ngày mất thu nhập x 500.000 đồng = 22.500.000 đồng; Chi phí giám định 2.000.000 đồng. Tổng cộng là 44.000.000 đồng.

5. Về án phí: Bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm 5% trên số tiền yêu cầu bồi thường được chấp nhận 44.000.000 đồng; đại diện hợp pháp cho người bị hại không phải chịu án phí đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn M1 phạm tội “Hiếp dâm trẻ em” .

2. Áp dụng khoản 4 Điều 112 Bộ luật Hình sự năm 2015, Điều 18, Điều 47, Điều 52, điểm g, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn M1 08 (tám) năm tù về tội “Hiếp dâm trẻ em”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 26/9/2016.

3. Căn cứ khoản 1 Điều 104 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003;

Kiến nghị Viện kiểm sát có thẩm quyền xem xét khởi tố vụ án hình sự điều tra làm rõ hành vi của bị cáo Nguyễn Văn M1 đã dùng thủ đoạn giao cầu với trẻ Đỗ Ngọc Anh T (sinh ngày 03/10/2007) vào thời điểm tháng 6/2016.

4. Áp dụng Điều 590, 592, khoản 4 Điều 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 3 Nghị định 47/2017/NĐ-CP ngày 24/4/2017 của Chính Phủ quy định về mức lương cơ sở;

Buộc Nguyễn Văn M1 có nghĩa vụ bồi thường cho trẻ Đỗ Ngọc Anh T - do ông Đỗ Thanh H, bà Võ Ngọc D đại diện theo pháp luật - tổng số tiền là 44.000.000đ (bốn mươi bốn triệu đồng) ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp Nguyễn Văn M1 chậm thực hiện nghĩa vụ dân sự thì còn phải trả thêm tiền lãi theo mức lãi suất là 10%/năm trên số tiền phải thi hành án.

5. Áp dụng khoản 1 Điều 41 Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009); căn cứ Điều 76 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003;

Tịch thu tiêu huỷ: 01 (một) con dao Thái Lan dài khoảng 21,5cm, lưỡi dao bằng kim loại màu trắng dài khoảng 11cm, cán bằng nhựa màu vàng; 01 (một) quần đùi màu xanh đen, hai bên hông quần có sọc màu xanh dương, mặt trước ống quần trái có ghi chữ “apple”; 01 (một) áo thun màu trắng – xanh, mặt trước áo hình chuột “Mickey”, cổ tròn, ngắn tay; 01 (một) quần thun màu xanh nhạt; 01 (một) áo thun màu xanh lá, cổ tròn, ngắn tay; 01 (một) quần short thun bông.

(Theo Lệnh nhập kho vật chứng số 235-36/LNK ngày 20/02/2017 và biên bản giao nhận tang tài vật số 239/17 ngày 01/6/2017 của Cơ quan Cảnh sát điều tra và Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh).

6. Áp dụng Điều 98, khoản 2 Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23, điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 của Quốc Hội nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam ngày 30/12/2016, khoản 1 Mục I Danh mục án phí, lệ phí Tòa án;

Án phí: bị cáo Nguyễn Văn M1 phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm là 200.000đ (hai trăm nghìn đồng); Nguyễn Văn M1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.200.000đ (hai triệu hai trăm nghìn đồng). Ông Đỗ Thanh H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

7. Quyền và nghĩa vụ dân sự được thực hiện tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

8. Áp dụng Điều 231, 234 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003;

Bị cáo, người đại diện hợp pháp của người bị hại, người bảo vệ quyền và lợi ích của người bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

9. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TANDTC, VKSNDTC; (2)
- VKSND,CA TP.HCM; (4)
- P.PC27, PC53 CATP; (2)
- Trại giam (PC81B); (2)
- THA HS; (1)
- Cục THA DS; (1)
- Sở Tư pháp; (1)
- Người tham gia tố tụng; (8)
- Lưu: VT,THS, Hồ sơ; (8)(T/29)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Châu Thị Diệp